

Ngân hàng Việt Nam trong tiến trình gia nhập Cộng đồng kinh tế ASEAN

Trần Thị Vân Anh *

Tóm tắt: Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) là một trong ba trụ cột quan trọng của Cộng đồng ASEAN đã chính thức đi vào hoạt động từ ngày 31 tháng 12 năm 2015. AEC sẽ tác động lớn tới sự phát triển kinh tế của Việt Nam, trong đó có các ngân hàng Việt Nam. Bài viết phân tích những cơ hội và thách thức của hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam trong tiến trình hội nhập AEC và một số hàm ý chính sách.

Từ khóa: Ngân hàng Việt Nam; Cộng đồng kinh tế ASEAN; cơ hội và thách thức; chính sách.

1. Đặt vấn đề

AEC ra đời nhằm xây dựng khu vực ASEAN trở thành: một thị trường duy nhất và một cơ sở sản xuất thống nhất, trong đó có sự lưu chuyển tự do của hàng hóa, dịch vụ, đầu tư, vốn và lao động có tay nghề; một khu vực kinh tế có sức cạnh tranh cao; một khu vực phát triển kinh tế đồng đều; một khu vực ASEAN hội nhập đầy đủ vào nền kinh tế toàn cầu.

Việt Nam tham gia AEC là khẳng định cam kết hội nhập với thế giới, là cơ hội để Việt Nam đẩy nhanh tốc độ tăng trưởng kinh tế, cải cách thể chế và nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế thông qua việc mở rộng phạm vi hoạt động ra ngoài lãnh thổ quốc gia cho các ngành kinh tế trong nước, trong đó có ngành ngân hàng. Hệ thống ngân hàng Việt Nam trong thời gian qua cũng đã có những bước điều chỉnh, chuẩn bị để hội nhập với việc áp dụng các tiêu chuẩn về nợ xấu, trích lập dự phòng rủi ro hay quản trị ngân hàng tiệm cận dần với các quy định quốc tế. Ngân hàng nhà nước đã thực hiện Đề án tái cơ cấu các ngân hàng thương mại (NHTM), tập trung vào nhóm ngân hàng yếu kém

nhất, tái cơ cấu một cách đồng bộ hơn, bao gồm sáp nhập những ngân hàng yếu kém hay mua lại ngân hàng với giá 0 đồng để có được những ngân hàng tốt hơn đủ sức cạnh tranh với khu vực và thế giới. Đánh giá những cơ hội và thách thức khi gia nhập AEC của hệ thống NHTM Việt Nam có ý nghĩa quan trọng trong tái cấu trúc ngân hàng Việt Nam đáp ứng yêu cầu hội nhập kinh tế quốc tế.

2. Những cơ hội đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam

Theo lộ trình đã cam kết Việt Nam phải mở cửa, xóa bỏ các hạn chế trong ngành ngân hàng, bảo hiểm và thị trường vốn. Hay nói cách khác, việc tham gia AEC là bước tiến đòi hỏi chúng ta phải mở cửa hơn nữa đối với lĩnh vực tài chính ngân hàng so với các thỏa thuận gia nhập Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO). Việc thực hiện các cam kết liên thông thị trường tài chính khu vực trong lộ trình AEC sẽ đem lại cho hệ thống ngân hàng Việt Nam nhiều cơ hội.

(*) Tiến sĩ, Trường Đại học Kinh tế, Đại học Quốc gia Hà Nội. ĐT: 01258847676. Email: anhttv@yahoo.com.

2.1. Gia tăng mức độ hội nhập của ngành ngân hàng

Cộng đồng kinh tế ASEAN hướng tới mục tiêu hội nhập ngành ngân hàng nội khối vào năm 2020, xóa bỏ mọi rào cản và khác biệt trong ngành giữa các quốc gia trong khối để tạo ra một hệ thống ngân hàng mở cho phép các ngân hàng ASEAN được hoạt động một cách bình đẳng với ngân hàng sở tại của bất kỳ quốc gia thành viên nào trong khối. Tham gia AEC và thực thi hệ thống ngân hàng mở có nghĩa là các quốc gia thành viên sẽ xóa bỏ mọi giới hạn về sở hữu nước ngoài với các ngân hàng nội địa của mình. Trong khuôn khổ AEC, các nước thành viên phải tạo ra một sân chơi bình đẳng cho ngân hàng các nước thành viên khác hoạt động trên lãnh thổ của mình bằng cách xóa bỏ những khác biệt pháp lý mang tính phân biệt đối xử giữa các ngân hàng có quốc tịch khác nhau.

Như vậy, tham gia AEC đồng nghĩa với việc các NHTM Việt Nam có cơ hội gia tăng mức độ hội nhập vào hệ thống ngân hàng trong khu vực, mở rộng hoạt động kinh doanh và lớn mạnh trong một sân chơi công bằng và bình đẳng hơn. Ngành ngân hàng Việt Nam có được cơ hội trao đổi, gia tăng hợp tác quốc tế trong lĩnh vực hoạch định chính sách tài chính, tiền tệ, quản lý ngoại hối, thanh tra, giám sát phòng ngừa rủi ro và thanh toán, từ đó nâng cao vị thế và uy tín của NHTM Việt Nam trên trường quốc tế.

Trong thời gian qua, ngành ngân hàng với đại diện là Ngân hàng nhà nước (NHNN) đã chủ động và tích cực tham gia từ khâu đàm phán, ký kết các văn bản, chính sách cho tới triển khai các giải pháp hội nhập tài chính ngân hàng quốc tế cụ thể nhằm thực hiện các cam kết AEC. Bên cạnh việc tiếp tục đẩy mạnh các hoạt động truyền thông như tham gia hội nghị thường niên và

gặp gỡ với lãnh đạo của các tổ chức quốc tế lớn như Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB), Quỹ Tiền tệ quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB), ngành ngân hàng đã mở rộng các hợp tác song phương trên toàn thế giới cũng như tăng cường sự hợp tác về tài chính ngân hàng trong khuôn khổ của WTO, ASEAN, ASEAN+3, Diễn đàn hợp tác kinh tế Châu Á - Thái Bình Dương (APEC)... Thêm vào đó, NHNN cũng đã tham gia tích cực vào các vòng đàm phán quốc tế, đẩy mạnh việc tìm kiếm đối tác và nhà tài trợ tiềm năng nhằm tăng cường huy động nguồn lực hỗ trợ về tài chính và kỹ thuật cho hệ thống ngân hàng nói riêng và toàn nền kinh tế nói chung. Việt Nam tích cực tham gia vào các tổ chức tài chính quốc tế mới như Ngân hàng Thanh toán quốc tế (BIS), Ngân hàng Phát triển Châu Âu (EDB), Ngân hàng Đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á (AIIB) với mục đích mở rộng và kết nối hoạt động của hệ thống ngân hàng Việt Nam với thị trường tài chính quốc tế.

2.2. Tăng cường cơ hội tiếp cận và thu hút nguồn vốn

Với quy mô GDP khoảng trên 2,5 nghìn tỷ USD và thu nhập bình quân ước đạt 4.000USD/năm, tốc độ tăng trưởng kinh tế trung bình trên 5%/năm, dân số hơn 640 triệu người, cơ cấu dân số trẻ khiến cho ASEAN trở thành một trong những khu vực có tiềm năng phát triển kinh tế tốt nhất trên thế giới. Việc thành lập AEC sẽ mở rộng giao thương và hợp tác kinh tế nội khối dẫn tới gia tăng nhu cầu đối với các dịch vụ tài chính ngân hàng do NHTM trực tiếp là cầu nối giúp luân chuyển dòng vốn giữa các doanh nghiệp xuất khẩu và doanh nghiệp nhập khẩu, giữa các công ty mẹ và chi nhánh công ty con, giữa khách hàng trong nước và quốc tế. Tham gia AEC hỗ trợ cho NHTM Việt Nam mở rộng quy mô hoạt

động ra các nước khác trong khu vực, tạo cơ hội cho vay và huy động vốn lớn hơn, đồng thời thúc đẩy phát triển các dịch vụ ngân hàng quốc tế góp phần gia tăng lợi nhuận cho NHTM Việt Nam.

Chính phủ đã tích cực hỗ trợ hệ thống NHTM Việt Nam tận dụng cơ hội này thông qua việc triển khai tái cơ cấu hệ thống ngân hàng nội địa với mục tiêu củng cố hoạt động trong nước và xây dựng phát triển các ngân hàng quy mô cấp khu vực. Một số ngân hàng thương mại Việt Nam đã tiến hành mở rộng sự hiện diện của mình trong thị trường khu vực như Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV), Ngân hàng Công thương Việt Nam (Vietinbank), Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) thông qua việc mở văn phòng đại diện và chi nhánh. Đây có thể coi là những bước đầu tiên trong tiến trình hội nhập để tiến tới thực hiện những thương vụ sáp nhập quốc tế trong lĩnh vực ngân hàng nhằm tạo ra những biến chuyển thực sự trong việc gia tăng nguồn vốn hoặc cải thiện chất lượng dịch vụ hay sản phẩm mà các NHTM Việt Nam muốn hướng tới.

Hội nhập thị trường vốn và thị trường tài chính trong AEC sẽ tạo ra hệ thống tài chính khu vực thông suốt với cơ chế tài khoản vốn tự do hơn thể hiện qua việc dỡ bỏ các quy định kiểm soát và hạn chế về vốn như xóa bỏ hạn chế đối với các giao dịch trên tài khoản vãng lai, xóa bỏ hạn chế đối với hoạt động đầu tư trực tiếp nước ngoài và danh mục đầu tư. Điều này không chỉ nâng cao lợi thế của dòng lưu chuyển vốn tự do trong ASEAN mà còn tác động tích cực tới sự phát triển hệ thống ngân hàng Việt Nam. Việc luân chuyển vốn tự do sẽ tạo điều kiện cho hệ thống NHTM Việt Nam tiếp cận dễ dàng hơn tới các nguồn vốn quốc tế để có được nguồn tín dụng ổn

định hơn, qua đó gia tăng quy mô của thị trường tài chính Việt Nam, củng cố vị thế của ngân hàng với vai trò là kênh hỗ trợ vốn quan trọng cho doanh nghiệp Việt Nam cũng như đáp ứng tốt hơn nhu cầu vốn để phát triển kinh tế.

Để tận dụng cơ hội tham gia vào AEC, bản thân các NHTM Việt Nam trong giai đoạn vừa qua cũng đã chủ động gia tăng nguồn vốn chủ sở hữu của mình thông qua việc sáp nhập, ví dụ như Vietinbank đã có mức vốn điều lệ mới là hơn 40.200 tỷ VND sau khi sáp nhập với Ngân hàng Xăng dầu Petrolimex (PGBank) hay BIDV có mức vốn điều lệ là 31.481 tỷ VND sau khi sáp nhập với Ngân hàng Phát triển nhà đồng bằng sông Cửu Long (MHB). Các ngân hàng khác cũng thực hiện tăng vốn từ các cổ đông hiện hữu như SCB tăng vốn từ mức 12.294 tỷ VND tới 14.294 tỷ VND, Ngân hàng Sài Gòn - Hà Nội (SHB) từ 8.865 tỷ VND lên tới 10.486 tỷ VND.

2.3. Tăng cường chất lượng dịch vụ và cơ sở hạ tầng

Theo kế hoạch tổng thể chi tiết AEC (AEC Blueprint) các quốc gia cam kết áp dụng các tiêu chuẩn chung để phát triển hiệu quả hoạt động tài chính xuyên biên giới, cải thiện cơ sở hạ tầng hệ thống tài chính. Cụ thể bước đầu các quốc gia cần xây dựng và phát triển các tiêu chuẩn và cơ sở hạ tầng thanh toán quốc gia theo chuẩn mực khu vực và quốc tế để có thể tham gia hệ thống thanh toán ASEAN dự kiến sẽ triển khai vào năm 2020. Như vậy, ngoài việc chủ động tăng năng lực tài chính và nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, nhiều NHTM trong nước đều có kế hoạch thực hiện song song hai mục tiêu chính là tăng cường cơ sở hạ tầng và đổi mới hoạt động quản trị điều hành theo hướng cơ cấu lại tổ chức theo hướng hợp lý và chuyên nghiệp

hơn, thực hiện chuyên môn hóa sâu hơn các nghiệp vụ ngân hàng, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ ngân hàng đảm bảo đáp ứng các yêu cầu hội nhập.

+ Về cải thiện cơ sở hạ tầng hệ thống ngân hàng, tính tới đầu năm 2016, cả nước đã có 9.673 chi nhánh, phòng giao dịch NHTM, tăng gần gấp 3 lần so với năm 2005, nâng mức độ bao phủ về mạng lưới ngân hàng của Việt Nam lên 13,812 chi nhánh/100.000 người trưởng thành. Hệ thống máy ATM, máy chấp nhận thanh toán thẻ (POS), các kênh Internet banking, Mobile banking cũng được các ngân hàng chú trọng phát triển. Từ năm 2011 đến đầu năm 2016, số lượng ATM tăng gần 1,5 lần trong khi số lượng POS đã tăng gần 2,5 lần. Dịch vụ Internet Banking lúc mới triển khai tại Việt Nam chỉ có 3 ngân hàng cung cấp, sau đó tăng dần tới 18 ngân hàng vào năm 2007, 46 ngân hàng vào năm 2012 và hiện nay tất cả các NHTM Việt Nam đều cung cấp dịch vụ này với số lượng giao dịch nửa cuối năm 2015 khoảng 25 triệu giao dịch với tổng giá trị giao dịch khoảng 320.000 tỷ đồng. Hiện nay, đã có 30 ngân hàng cung cấp dịch vụ Mobile banking ước đạt 7,5 triệu giao dịch với tổng giá trị khoảng 50.000 tỷ đồng tính cho 6 tháng cuối năm 2015. Ngoài ra, NHNN cũng cho phép 9 tổ chức phi ngân hàng thực hiện thí điểm ví điện tử với số lượng ví điện tử đã phát hành đạt trên 1,9 triệu ví với số lượng giao dịch là 46 triệu có giá trị tương đương 23.550 tỷ đồng.

Thị trường thẻ ngân hàng cũng phát triển mạnh. Vào thời điểm khởi đầu cách đây 10 năm toàn thị trường chỉ có 2 loại thẻ nội địa dùng trên máy ATM là Connect 24 của Vietcombank và Fast Access của Techcombank với tổng số lượng phát hành khoảng 234.000 thẻ nhưng tính tới năm 2015 con số này đã lên tới 80,6 triệu thẻ. Trong đó thẻ

ghi nợ chiếm tỷ trọng cao nhất khoảng 91,54%, thẻ trả trước là 4,37% và thẻ tín dụng là 4,09% tổng thẻ phát hành.

Trong thời gian vừa qua, hệ thống thanh toán và hoạt động thanh toán không dùng tiền mặt đã không ngừng được cải thiện và gia tăng nhờ hàng loạt các biện pháp tích cực. Cụ thể như NHNN đã chủ động hoàn thiện khuôn khổ thể chế điều hành hoạt động thanh toán, thành lập Trung tâm chuyển mạch thống nhất quốc gia, đảm bảo Hệ thống thanh toán điện tử liên ngân hàng (IBPS) hoạt động thông suốt, hiệu quả, thường xuyên gia tăng số lượng và giá trị giao dịch. Trong năm 2015 hệ thống IBPS đã xử lý gần 50 triệu giao dịch với giá trị giao dịch đạt tới trên 47 triệu tỷ đồng, cao hơn 10 lần về số lượng và gần 13 lần về giá trị giao dịch so với thời điểm cuối năm 2006. Tổng giá trị giao dịch qua hệ thống IBPS trong năm 2015 tương đương gần 12 lần so với GDP cùng kỳ. Tính bình quân ngày qua hệ thống IBPS xử lý gần 190.000 giao dịch với giá trị khoảng 185.000 tỷ đồng.

Ngoài ra, ngành ngân hàng với đại diện là NHNN tiếp tục mở rộng hợp tác quốc tế trong ngân hàng nói chung và đặc biệt là lĩnh vực thanh toán nói riêng. NHNN đã tham gia tích cực vào các tổ chức ban hành các chuẩn mực quốc tế về thanh toán như WB hay BIS. NHNN cũng thực hiện vai trò cầu nối giữa Hiệp hội viễn thông liên ngân hàng và tài chính quốc tế (SWIFT) với các NHTM Việt Nam trong việc xây dựng, nâng cấp và phát triển các dịch vụ của SWIFT tại Việt Nam để có thể thực hiện tốt hơn giao dịch thanh toán và chuyển tiền quốc tế.

Tiến trình hội nhập AEC cũng gia tăng việc triển khai mạnh mẽ các ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT) hỗ trợ hoạt động của hệ thống ngân hàng. Việc áp dụng hệ

thông ngân hàng lõi theo chuẩn mực quốc tế đã hỗ trợ thực hiện các giao dịch ngân hàng nhanh chóng, chính xác, tiết kiệm thời gian và chi phí. Đa số các ngân hàng đã triển khai ứng dụng các dịch vụ ngân hàng điện tử theo chuẩn mực quốc tế, thành lập trung tâm quản lý dữ liệu tập trung và trung tâm hỗ trợ khách hàng, hệ thống quản lý khách hàng... nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu khách hàng, cung cấp tối đa các tiện ích cho khách hàng sử dụng dịch vụ ngân hàng qua đó cải thiện chất lượng dịch vụ chung toàn hệ thống.

+ Với mục tiêu chuẩn bị cho tiến trình gia nhập AEC, hầu hết các NHTM đều chú trọng tăng cường năng lực quản trị và điều hành thông qua việc kiện toàn bộ máy nhân sự chủ chốt và nhân sự cấp cao nhằm tăng tính cạnh tranh với các ngân hàng trong nước và khu vực. Các NHTM cũng tăng cường công tác tuyển dụng, thực hiện đào tạo và đào tạo lại để đảm bảo nâng cao trình độ chung của đội ngũ nhân viên ngân hàng. Ngoài ra các NHTM đều có những chính sách ưu đãi nhằm thu hút và lưu giữ nguồn nhân lực có chất lượng cao. Thêm vào đó các ngân hàng cũng chú trọng tới việc củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống quản trị rủi ro, hệ thống kiểm soát và kiểm toán nội bộ, sửa đổi và bổ sung hoàn thiện các chính sách quy trình nội bộ cơ bản như quy trình cấp tín dụng, đầu tư và huy động vốn.

Như vậy, việc tham gia vào AEC không chỉ hỗ trợ các NHTM Việt Nam có cơ hội tiếp cận với công nghệ mới cũng như phát triển đa dạng các dịch vụ và tiện ích ngân hàng hiện đại, mở rộng hoạt động kinh doanh; đồng thời cũng tạo sức ép để ngân hàng không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng để cạnh tranh tốt hơn. Hội nhập AEC sẽ tạo ra động lực thúc đẩy

công cuộc đổi mới và nâng cao tính minh bạch, tính tự chịu trách nhiệm của hệ thống NHTM Việt Nam để đáp ứng yêu cầu của hội nhập và thực hiện các cam kết, qua đó nâng cao hiệu quả điều hành trong lĩnh vực tiền tệ, ngân hàng.

3. Những thách thức đối với hệ thống ngân hàng Việt Nam

Mặc dù trong thời gian qua, hệ thống NHTM đã có những bước phát triển nhất định song khoảng cách giữa các NHTM trong nước và NHTM trong khu vực và trên thế giới vẫn còn rất lớn về mọi phương diện. Vì vậy, khi hội nhập AEC, hệ thống NHTM Việt Nam cũng gặp phải nhiều thách thức.

3.1. Sức ép cạnh tranh từ các ngân hàng khu vực và quốc tế

So với các nước trong khu vực thì thị trường tài chính Việt Nam còn khá khiêm tốn với quy mô khoảng 130% GDP, chỉ cao hơn ba nước là Lào, Campuchia và Myanmar, trong khi đó thị trường tài chính Malaysia có quy mô khoảng 370% GDP, Singapore là 350% GDP và Thái Lan là 280% GDP. Tỷ lệ vốn tự có trên tổng tài sản chứa rủi ro của NHTM Việt Nam khoảng 12,8% thấp hơn mức trung bình trên 16% của các nước ASEAN+5. Tỷ suất sinh lời trên vốn chủ sở hữu trung bình của NHTM Việt Nam tính tới cuối năm 2015 ước chừng 5,5%, thấp hơn so với Malaysia và Philippines (13,5%), Thái Lan (16,2%), Singapore (17,1%) và Indonesia (18%). Với quy mô và hiệu quả hoạt động như vậy thì khi hòa nhập vào một thị trường chung ASEAN sẽ đặt hệ thống NHTM Việt Nam trước nguy cơ phải thu hẹp hoạt động, tiến tới bị mất quyền kiểm soát hoặc có thể bị các ngân hàng lớn trong khu vực mua lại. Điều này tạo ra một sức ép cạnh tranh lớn cho toàn ngành ngân hàng.

Thêm vào đó, hiện nay nhiều NHTM của các nước ASEAN đã có hiện diện thương mại ở các nước trong khối ASEAN, với nỗ lực mở rộng cơ hội đầu tư ra ngoài lãnh thổ, phục vụ cộng đồng doanh nghiệp và thúc đẩy quan hệ thương mại, đầu tư, du lịch giữa các nước thành viên. Đặc biệt thời gian qua, các ngân hàng lớn của các nước ASEAN như Singapore hay Thái Lan đã đầu tư rất lớn để có thể đi trước các đối thủ cạnh tranh khác và chuẩn bị tốt hơn cho việc gia nhập AEC.

Ví dụ như, trong số các quốc gia ASEAN thì Singapore là nước có tỷ lệ hoàn thành các cam kết hội nhập cao nhất với 91%, trong đó 86% doanh nghiệp Singapore đã chuẩn bị sẵn sàng trước những cơ hội và thách thức khi tham gia vào AEC. So với các nước trong khối ASEAN thì Singapore cũng có thị trường tài chính phát triển nhất. Đối với quá trình chuẩn bị gia nhập AEC, các ngân hàng của Singapore rất tích cực mở rộng phạm vi hoạt động của mình tại các nước thành viên ASEAN khác. Chiến lược chính mà ngân hàng Singapore sử dụng là thu hút các đối thủ nhỏ hơn để đón đầu làn sóng tăng trưởng tại khu vực, cũng như duy trì vị trí hàng đầu của mình tại thị trường nội địa. Như vậy các ngân hàng Singapore chắc chắn sẽ là những đối thủ cạnh tranh mạnh mẽ đối với các ngân hàng Việt Nam.

Một ví dụ khác là, Ngân hàng Bangkok (BBL) có tổng tài sản lớn nhất Thái Lan, hiện có 27 chi nhánh và văn phòng đại diện tại 11 quốc gia, trong đó có 13 chi nhánh và văn phòng đại diện ở ASEAN. Tại Việt Nam, BBL đã hoạt động được hơn 30 năm với chi nhánh ở Hà Nội và Tp. Hồ Chí Minh. Ngân hàng hiện cũng đang xem xét mở thêm chi nhánh mới ở Việt Nam nhằm mở rộng thêm phạm vi hoạt động chiếm

lĩnh thị phần trong hệ thống ngân hàng Việt Nam. Nhiều ngân hàng thương mại của các nước ASEAN như Kasikorn của Thái Lan, Ngân hàng Phát triển Singapore, Maybank của Malaysia cũng đã thành lập văn phòng đại diện tại Việt Nam.

Theo lộ trình đã cam kết, đến năm 2015, Việt Nam phải mở cửa hơn trong ngành ngân hàng, bảo hiểm và thị trường vốn, nhằm thực hiện cam kết, theo đó, các nước ASEAN sẽ phải mở cửa tất cả các ngành dịch vụ với mức sở hữu nước ngoài có thể lên đến 70%. Dù theo lộ trình hội nhập từng bước, tỷ lệ này chưa cần đạt ngay tới mức 70% như quy định nhưng mức 40% - 50% trong lĩnh vực ngân hàng là khó tránh khỏi.

Như vậy hội nhập AEC đặt ra cho hệ thống ngân hàng Việt Nam một thách thức không nhỏ. Thêm vào đó chúng ta không những chịu sức ép của các cam kết AEC mà còn chịu nhiều áp lực hơn nữa từ Hiệp định đối tác kinh tế chiến lược xuyên Thái Bình Dương (TPP) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) đã ký kết và đang đàm phán buộc chúng ta phải nói lời, tiến tới xóa bỏ các hạn chế trên thị trường tài chính cho phép ngân hàng nước ngoài được thực hiện hầu hết các nghiệp vụ như những ngân hàng trong nước. Điều này sẽ làm cho các NHTM nước ngoài hiện tại chỉ nắm giữ thị phần thiểu số trên thị trường tài chính ngân hàng Việt Nam nhưng sẽ có ưu thế gần như toàn diện trong tương lai. Do đó cạnh tranh từ các ngân hàng khu vực và quốc tế là một thử thách lớn mà ngân hàng Việt Nam sẽ rất khó vượt qua nếu không nâng cao năng lực của mình.

3.2. Tiềm lực tài chính hạn chế

Để chuẩn bị cho tiến trình gia nhập AEC nhiều NHTM Việt Nam đã chủ động tăng cường nguồn lực tài chính của mình trong đó có nguồn vốn điều lệ. Tuy nhiên, nếu so

sánh với các NHTM trong khu vực thì mức vốn điều lệ của chúng ta vẫn tương đối nhỏ. Ví dụ, Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn Việt Nam là NHTM có vốn điều lệ lớn nhất Việt Nam cũng chỉ đạt 29.605 tỷ đồng (khoảng 1.421 triệu USD) chỉ tương đương với Ngân hàng Bangkok

Bank hay Bank Mandiri là ngân hàng cỡ trung bình của Thái Lan và Indonesia, thấp hơn nhiều so với Maybank là ngân hàng lớn của Malaysia. Còn nếu tính trung bình thì vốn điều lệ của một NHTM Việt Nam chỉ đạt 10.196 tỷ đồng tương đương 490 triệu USD (Bảng 1).

Bảng 1: Quy mô vốn điều lệ một số ngân hàng khu vực Đông Á

Đơn vị: triệu USD

Tên ngân hàng	Quốc gia	Vốn điều lệ
Bank Mandiri	Indonesia	1.134
Bank of the Philippines Islands	Philippines	817
Maybank	Malaysia	2.607
OCBC Bank	Singapore	18.018
Bangkok Bank	Thailand	1.278
Agribank	Việt Nam	1.421
Trung bình NHTM Việt Nam	Việt Nam	490

Nguồn: Các website ngân hàng

Theo số liệu của NHNN thì tổng tài sản của khối ngân hàng nước ngoài và liên doanh là 715.250 tỷ đồng, chiếm 11,01% tổng tài sản toàn hệ thống ngân hàng tại Việt Nam, còn khá khiêm tốn nếu so với mức 3.065.159 tỷ đồng của khối ngân hàng do Nhà nước sở hữu chi phối và 2.713.250 tỷ đồng của khối ngân hàng cổ phần. Tuy nhiên, xét về vốn điều lệ, sự chênh lệch giữa 3 khối ngân hàng

liên doanh và nước ngoài, NHTM quốc doanh, NHTM cổ phần lại không quá lớn, cơ cấu tại thời điểm đầu năm 2016 lần lượt bằng 20,34%; 32,56% và 47,11%. Do đó, tỷ trọng vốn điều lệ trên tổng tài sản của các ngân hàng nước ngoài và liên doanh lại cao nhất với 12,66%, nhóm NHTM cổ phần đứng thứ 2 với 7,73%, cuối cùng là khối NHTM nhà nước với 4,73% (Bảng 2).

Bảng 2: Số lượng NHTM Việt Nam giai đoạn 1991 - 2016

Loại hình ngân hàng	Năm						
	1991	1995	1999	2005	2010	2012	2016
NHTM nhà nước	4	4	5	5	5	5	5
NHTM cổ phần	4	48	48	37	37	34	30
Chi nhánh ngân hàng nước ngoài	0	18	26	29	48	50	46
Ngân hàng liên doanh	1	4	4	5	5	4	3
Ngân hàng 100% vốn nước ngoài	0	0	0	0	5	5	6

Nguồn: Báo cáo thường niên NHNN Việt Nam

Do có những quy định hạn chế về số cổ phần nắm giữ nên thị phần cho vay và huy động của nhóm ngân hàng nước ngoài hiện nay còn khá khiêm tốn. Năm 2015, dư nợ cho vay chiếm 8,28% và giá trị huy động bằng 8,19% tổng quy mô cả thị trường. Tuy nhiên, so về khả năng sinh lời trên tổng tài sản, nhóm này đạt giá trị cao hơn. Theo công bố của NHNN Việt Nam, tỷ suất sinh lời trên tổng tài sản năm 2015 của các ngân hàng nước ngoài và liên doanh bằng 0,61%, cao hơn mức bình quân 0,51% của cả hệ thống.

Dù chiếm thị phần nhỏ song các NHTM nước ngoài có mức độ an toàn vốn cao, khả năng khai thác tài sản hiệu quả cũng như có ưu thế trong việc cung cấp nguồn tín dụng ổn định hơn các NHTM Việt Nam. Lợi thế này là do chi nhánh hay ngân hàng con của những ngân hàng quốc tế lớn có thể dựa vào ngân hàng mẹ của họ để có được vốn và sự tài trợ bổ sung khi cần thiết. Đến lượt mình, ngân hàng mẹ có khả năng cung cấp nguồn tài trợ đó là vì thường nắm giữ một danh mục đa dạng hoá ở tầm quốc tế do đó dòng thu nhập của ngân hàng nước ngoài sẽ ít bị phụ thuộc hơn vào những cú sốc thuần túy nội địa. Hơn nữa, các ngân hàng quốc tế lớn sẽ tiếp cận tốt hơn tới thị trường tài chính toàn cầu, so với các ngân hàng Việt Nam.

Các NHTM Việt Nam hiện nay chỉ có lợi thế về mạng lưới chi nhánh phân phối sản phẩm dịch vụ và khách hàng rộng rãi, am hiểu về tập quán địa phương và môi trường kinh doanh. Tuy nhiên, đây không phải là những lợi thế lâu dài, mang tính quyết định và sẽ mất dần đi khi lĩnh vực ngân hàng thực sự tự do hóa hoàn toàn.

3.3. Chất lượng sản phẩm và dịch vụ chưa cao

So với các NHTM trong khu vực thì danh mục sản phẩm dịch vụ mà NHTM

Việt Nam cung cấp còn nghèo nàn với chất lượng chưa cao, cơ cấu tổ chức chưa thực sự hợp lý và chưa chuyên nghiệp, trình độ quản lý điều hành còn thấp, công nghệ ngân hàng còn có khoảng cách đáng kể so với trình độ của khu vực và thế giới.

Mặt khác, các NHTM quốc tế tìm kiếm hoạt động tại Việt Nam đều là những ngân hàng có hiệu quả hoạt động cao. Lý do là chỉ khi có được các kỹ năng tổ chức cần thiết để đánh giá một cách đúng đắn những cơ hội kinh doanh và những rủi ro đi kèm theo đó, để kiểm soát hoạt động của người vay... thì các ngân hàng nước ngoài mới có hy vọng thành công ở Việt Nam nơi mà họ phải cạnh tranh với hệ thống ngân hàng nội địa có ưu thế vượt trội về mặt thông tin, về các quan hệ khách hàng cũng như mạng lưới sẵn có.

Chi nhánh địa phương của một ngân hàng quốc tế luôn nằm dưới sự giám sát chặt chẽ của ngân hàng mẹ vì những lý do liên quan tới uy tín của ngân hàng mẹ, do vậy các ngân hàng nước ngoài này thường có những đòi hỏi về công bố thông tin, về kế toán và báo cáo phù hợp với những thông lệ quốc tế tốt nhất. Điều này góp phần gia tăng uy tín về chất lượng của các ngân hàng nước ngoài so với các ngân hàng Việt Nam.

Bên cạnh đó, với trình độ công nghệ cao và tiềm lực tài chính dồi dào các ngân hàng nước ngoài thường xuyên triển khai những hoạt động mới và phức tạp hơn và cũng như cung cấp nhiều sản phẩm mới. Ví dụ như các ngân hàng nước ngoài có thể cải thiện được tình hình phân bổ tín dụng dễ dàng hơn ngân hàng trong nước do họ có những hệ thống đánh giá và định giá rủi ro tín dụng tinh vi hơn, hay như họ có thể đánh

giá và định giá chính xác hơn rủi ro gắn với những sản phẩm phái sinh, do có kinh nghiệm sử dụng các sản phẩm này trên thị trường quốc tế. Điều này tạo cho các ngân hàng nước ngoài lợi thế trong việc đem lại cho khách hàng nhiều cơ hội đa dạng hoá danh mục đầu tư cũng như sản phẩm và dịch vụ mới.

4. Một số khuyến nghị

Tiến trình hội nhập AEC đã đặt ra nhiều cơ hội nhưng đồng thời cũng tạo nên nhiều thách thức đối với hệ thống NHTM Việt Nam. Để tận dụng những cơ hội cũng như vượt qua những thử thách khi thực hiện các cam kết AEC, chúng ta cần lưu ý một số vấn đề như sau:

Thứ nhất, củng cố năng lực cạnh tranh. Để làm được điều này chúng ta cần đánh giá những xu hướng phát triển về dịch vụ và công nghệ ngân hàng trên thế giới để đưa ra định hướng phát triển phù hợp trên cơ sở kết hợp công nghệ hiện đại và nhu cầu của thị trường lấy khách hàng làm trung tâm. Cụ thể như đối với kênh phân phối sản phẩm cần thiết lập và gắn kết các hình thức kênh phân phối sản phẩm truyền thống với hiện đại (qua mạng điện tử), các sản phẩm và dịch vụ cần được thiết kế đa dạng và tiện dụng với nhiều lựa chọn từ sản phẩm đơn giản, phù hợp đối với đại đa số người dân cho đến các dịch vụ cao cấp như tư vấn tài chính, quản lý tài sản.

Thứ hai, tăng cường năng lực tài chính. Trong nội dung về cam kết hội nhập tài chính của AEC thì chỉ những ngân hàng đạt tiêu chuẩn ASEAN (QABs) mới được phép mở rộng hoạt động tại các nước thành viên khác và được đối xử bình đẳng. Trong số các tiêu chí để cấp chứng nhận QABs có hai yêu cầu bắt buộc là mức vốn đủ lớn và

trình độ quản trị tốt. Do đó các NHTM Việt Nam cần phải xây dựng lộ trình và thực hiện tăng quy mô vốn tự có và cải thiện hệ số an toàn vốn theo tiêu chuẩn quốc tế. Mục tiêu đặt ra của các NHTM Việt Nam là hình thành một số ngân hàng có mức vốn điều lệ bằng 5 tỷ USD để từ đó nâng tổng tài sản lên khoảng 50 tỷ USD. Các ngân hàng còn lại sẽ có vốn điều lệ quanh mức 1 tỷ USD. Để tăng vốn điều lệ, ngoài cách thức phát hành cổ phiếu mới, các ngân hàng cần phải đẩy nhanh quá trình sáp nhập, hợp nhất theo kế hoạch tái cơ cấu hệ thống của NHNN Việt Nam. Điều này sẽ chấm dứt sự tồn tại của các ngân hàng yếu, không đủ sức cạnh tranh trên thị trường và tạo ra những tổ chức tài chính mới với quy mô lớn và mạnh hơn. Kỳ vọng rằng đến năm 2017 chúng ta sẽ rút gọn hệ thống các NHTM còn khoảng 15 ngân hàng trong đó có 2 - 3 ngân hàng có sức cạnh tranh và ảnh hưởng trong khu vực.

Thứ ba, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ. Hiện nay doanh thu của NHTM Việt Nam chủ yếu vẫn từ các kênh sản phẩm truyền thống với chất lượng chưa cao, do đó các NHTM Việt Nam cần ưu tiên đầu tư mạnh cho phát triển hệ thống công nghệ thông tin để vừa phát triển mạnh về sản phẩm dịch vụ ngân hàng hiện đại điện tử, vừa triển khai mở rộng kênh bán hàng hiện đại như Internet banking, Mobile banking, qua các mạng xã hội nhằm nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ ngân hàng của người dân. Cụ thể như tăng tỷ trọng đóng góp của hoạt động bán lẻ và dịch vụ cũng như thu nhập phi lãi trong cơ cấu thu nhập, đa dạng hóa và cá biệt hóa các sản phẩm và dịch vụ đến từng nhóm khách hàng mục tiêu, phát triển các sản

phẩm và dịch vụ hướng tới xuất khẩu để mở rộng thị phần ở nước ngoài.

Thứ tư, nâng cao năng lực quản trị và giám sát. Về phía NHTM Việt Nam cần phải thực hiện cơ cấu lại và chuyển đổi mô hình tổ chức theo hướng tập trung và chuyên môn hóa trên cơ sở áp dụng những thông lệ tốt nhất về quản trị đặc biệt là quản trị rủi ro và tác nghiệp. Trước mắt các NHTM cần tuân thủ các tiêu chuẩn Basel II để tiến tới đạt được các yêu cầu của QABs. Ngoài ra NHTM Việt Nam cũng cần áp dụng các biện pháp nâng cao chất lượng thông tin tín dụng của cả doanh nghiệp và cá nhân. NHTM cần thiết lập các cơ sở dữ liệu thông tin trên nguyên tắc tích hợp và kết nối thuận lợi rõ ràng, tuân thủ các quy định của pháp luật để hỗ trợ các NHTM Việt Nam trong các quyết định tín dụng, qua đó nâng cao chất lượng cho vay cũng như cung ứng sản phẩm dịch vụ ngân hàng khác.

Cùng với việc nâng cao năng lực quản trị của NHTM là yêu cầu tăng cường năng lực của các cơ quan giám sát hệ thống ngân hàng do hội nhập AEC sẽ làm tăng các giao dịch vốn và rủi ro của hệ thống ngân hàng, trong khi cơ chế quản lý hiện nay chưa hoàn thiện, nhất là cơ chế thanh tra, giám sát, thiếu sự phối hợp chặt chẽ, đồng bộ giữa các bộ ngành liên quan. Do hoạt động của NHTM ngày càng đa dạng và phức tạp nên đòi hỏi các cơ quan giám sát trong nước phải tăng cường năng lực và số lượng đội ngũ nhân viên của mình để giám sát tốt hơn hoạt động của tất cả các ngân hàng bao gồm trong nước và nước ngoài. Kinh nghiệm từ các khủng hoảng tài chính tiền tệ thời gian vừa qua cho thấy nếu như năng lực quản lý của các cơ quan giám sát không

theo kịp và không lường trước được sự phát triển nhanh chóng của các giao dịch tài chính - ngân hàng có thể làm khả năng kiểm soát dẫn tới khủng hoảng hoặc quốc gia sẽ tái áp dụng các biện pháp áp chế tài chính để kiểm soát. Đây là những kết quả không mong muốn gây bất lợi cho sự phát triển chung của hệ thống ngân hàng.

5. Kết luận

Như vậy, việc gia nhập AEC đem lại nhiều cơ hội đồng thời cũng đặt ra nhiều thách thức cho hoạt động kinh doanh của các NHTM Việt Nam. Bên cạnh việc mở rộng hoạt động và gia tăng cơ hội tiếp cận nguồn vốn quốc tế cũng như khả năng cải thiện chất lượng dịch vụ thì các cam kết AEC cũng đặt NHTM Việt Nam phải đối mặt với các đối thủ cạnh tranh có ưu thế hơn hẳn về uy tín, trình độ công nghệ cũng như tiềm lực tài chính. Do đó, hệ thống NHTM Việt Nam cần có chiến lược phát triển phù hợp nhằm gia tăng năng lực cạnh tranh, củng cố tiềm lực tài chính, cải thiện chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đặc biệt cần chú trọng tới trình độ nguồn nhân lực và năng lực quản trị rủi ro và tác nghiệp để có thể tồn tại và trở thành người chiến thắng.

Tài liệu tham khảo

- [1] Trần Thị Thái Hà (2013), *Tự do hóa tài chính - Kinh nghiệm quốc tế và những gợi ý cho Việt Nam*, Đề tài nghiên cứu khoa học cấp Đại học Quốc gia, Hà Nội.
- [2] *Báo cáo tổng thuật* (2015), Hà Nội.
- [3] Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (2016), *Báo cáo thường niên 1991 - 2016*, Hà Nội.
- [4] Đào Lê Kiều Oanh (2014), “Cơ hội và thách thức đối với hệ thống ngân hàng thương mại Việt Nam khi tham gia TPP”, Tạp chí *Phát triển và Hội nhập*, tháng 7.

